TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/DS - ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2018
V/v: " Tranh chấp về Quyền đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018; Về việc "Tranh chấp về Quyền đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST - DS ngày 20/8/2018 giữa:

+ *Nguyên đơn*: Bà La Thị H - sinh năm 1960(Có mặt);

- Địa chỉ: Số nhà 03, đường H V T, Khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn*: Chị Lê Thanh Ng - sinh năm 1975 (Vắng mặt);

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh La Văn H – sinh năm 1974 (Chồng chị Ng) (Vắng mặt)

- Đều có địa chỉ: Xóm V Q, thôn D T 2, xã D T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà La Thị H ngày 09/5/2018, bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2018(BL: 01; 15; 16):

Do có quan hệ họ hành với anh La Văn H là chồng chị Lê Thanh Ng. Ngày 13/6/2013 chị Lê Thanh Ng đã vay của Bà số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để trả nợ Ngân hàng, không tính lãi suất, thời gian vay đến ngày 20/8/2013 thì trả. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Đến hạn trả nợ khoản

tiền đã vay ở trên, chị Ng không trả cho Bà số tiền đã vay. Bà đã đến nhà chị Ng đòi nhiều lần nhưng chị Ng không trả được. Vì vậy Bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thanh Ng cùng chồng là anh La Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả Bà số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, sau đó chị Ng, anh H phải chịu lãi suất đối với số tiền còn nợ chưa trả Bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao cho chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H thông báo về việc thụ lý vụ án, chị Ng đã nhận và cam kết giao lại cho anh La Văn H thông báo thụ lý vụ án để biết và có ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cũng đã nhiều lần đến gia đình chị Ng giao giấy triệu tập báo đến Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án chị Ng, anh H đều không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 160.000.000đồng mà bà La Thị H đã khởi kiện tại Tòa án. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải. Giấy triệu tập phiên họp, phiên hòa giải vào ngày 21/6/2018 và 18/7/2018 cho chị Ng, anh H, nhưng chị Ng, anh H đều vắng mặt không có lý do tại phiên họp và các phiên hòa giải. Vì vậy các phiên hòa giải không tiến hành được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207; Khoản 1, 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về biên bản phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án đã giao cho chị Ng được biết;

Bị đơn là chị Ng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh La Văn H không có mặt tại phiên tòa ngày 20/8/2018, do vậy phiên tòa phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Quyết định hoãn phiên tòa đã đ- ợc tống đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm naychị Ng, anh H đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của những ng- ời tham gia tố tụng trong vụ án, cũng như phát biểu về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thanh Ng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh La Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn. Việc nguyên đơn khởi kiện vụ án đã qua 03 năm kể từ ngày phát sinh quyền khởi kiện, do vậy nguyên đơn khởi kiện vụ án để đòi lại tài sản đã cho vay, nên về thời hiệu vẫn còn, bà La Thị H không yêu cầu tính lãi, nên việc xem xét thời hiệu đối với tính lãi, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn bà La Thị H đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ, có căn cứ. Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét thấy:

Khi vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy vay tiền, nội dung thể hiện số tiền đã vay, thời hạn trả. Bị đơn là chị Ng có cam kết về việc thanh toán trả nợ tiền đã vay và tự nguyện ký giấy vay tiền. Do chị Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, về thời hạn trả nợ đã thỏa thuận được ghi trong giấy vay tiền.

Xét về hình thức và nội dung giấy vay tiền. Giấy vay tiền là một thỏa thuận giữa hai bên trong giao dịch dân sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại các Điều 389; các Điều 401; 402; 403; 404 của Bộ Luật dân sự năm 2005 tại thời điểm giao kết. do vậy giấy biên nhận vay tiền ở trên là một dạng hợp đồng dân sự về vay tài sản, Các bên không thực hiện đúng giao dịch đã ký kết, khi phát sinh tranh chấp, nguyên đơn không thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án, thời hiệu khởi kiện vụ án đối với Hợp đồng dân sự đã quá 03 năm, kể từ ngày nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án, do vậy việc tính lãi sẽ không được xem xét. Việc nguyên đơn đã thực hiện khởi kiện tại Tòa án chỉ yêu cầu đòi số tiền gốc là phù hợp với quy định của Pháp luật, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản", phù hợp quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Nguyên đơn trong vụ án yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thanh Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh La Văn H phải trả 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và yêu cầu trả lãi kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong số nợ ở trên. Khi vay tiền chỉ có chị Ng giao dịch với bà La Thị H, số tiền vay tiền chị Ng không ghi rõ mục đích vay để làm gì, anh H tại thời điểm vay không có nhà (Đang chấp hành bản án tại trai giam), do vậy số tiền 160.000.000đồng mà chị Ng vay bà H không xác định được đã sử dụng vào mục đích chung của gia đình, vì vậy yêu cầu của bà La Thị H buộc chị Ng, anh H cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ ở trên, chỉ được chấp nhận một phần đối với nghĩa vụ của bị đơn phải trả nợ trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự tại thời điểm ký kết giữa các đương sự, nên được chấp nhận phần đối với người phải trả nợ cho bà H là chị Lê Thanh Ng.

Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Lê Thanh Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của nguyên đơn đ- ợc chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp đ- ợc hoàn trả theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 688; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà La Thị H;

Buộc chị Lê Thanh Ng phải trả cho bà La Thị H số tiền đã vay là 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ng- ời có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, ng- ời có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền phải thi hành án t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

3- Về án phí: Chị Lê Thanh Ng phải chịu 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà La Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đồng(Bốn triệu đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001464 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Báo cho đ- ơng sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Công Hoan